

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9- 2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thúy K, sinh năm 1983 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 7, KP.1, TT. A, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thúy K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy K và anh Nguyễn Thanh Đ chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND A vào năm 2003 theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc. Sau này do anh Đ thường hay ghen tuông vô cớ đánh đập chị K nên anh Đ và chị K thường xuyên mâu thuẫn nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Anh Đ hay nhậu nhẹt bê tha không quan tâm chăm sóc vợ con. Lúc đầu anh Đ còn nhậu ít càng về sau càng nhậu nhiều, mấy năm gần đây hầu như ngày nào anh Đ cũng uống rượu. Khi nhậu về anh Đ kiểm chuyện đánh đập mắng chửi chị K thậm tệ, nhiều khi nửa đêm anh

Đ mới về cũng kiếm chuyện đánh chị. Không những vậy anh Đ đi làm về cũng chẳng phụ giúp tiền bạc để chị K một mình nuôi con và lo lắng sinh hoạt trong gia đình. Nay chị K xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị K yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị K và anh Đ có 01 chung tên Nguyễn Thị Kiều My, sinh ngày 12/08/2005 hiện cháu M đang sống cùng vợ chồng chị K, anh Đ. Nay ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu tòa giải quyết

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của anh Đ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Điền vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 85/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2017 nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật tố tụng

Về thành phần tham gia xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Tòa án lập biên bản nhận đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thụ lý vụ án phân công thẩm phán giải quyết đúng quy định tại Điều 195, Điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp trong vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành thụ lý được định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, việc Tòa án nhân dân huyện Chơn thành thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra về giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quy định tại Điều 206 đến Điều 211 BLTTDS

Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203, Điều 233 BLTTDS

Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Nội dung và hình thức đảm bảo quy định tại Điều 220 BLTTDS

Về tổng đạt văn bản tố tụng: Đúng quy định tại Điều 170, Điều 171, Điều 208 BLTTDS

Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát: Đảm bảo đúng quy định tại điều 220 BLTTDS

Về thu thập chứng cứ: Đúng nguyên tắc về việc xác minh, thu thập chứng cứ quy định tại điều 97, 98 BLTTDS

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử thực hiện đúng định pháp luật của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 BLTTDS

Đối với những người tham gia tố tụng khác: Đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 77, Điều 78 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Chị Nguyễn Thúy K và anh Nguyễn Thanh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước vào năm 2003. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hôn nhân giữa chị K, anh Đ không hòa hợp, tình cảm vợ chồng còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, lời khai bị đơn đề xuất

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Nguyễn Thúy K được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ

Về con chung: Vợ chồng chị K, anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kiều My hiện đang sống cùng cha mẹ, chị K có nguyện vọng được nuôi con. Theo chứng cứ xác định hiện nay chị K là lao động có thu nhập đảm bảo nuôi con. Đồng thời cháu M cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị K về nuôi con chung là giao cháu M cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thúy K, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ có nơi cư trú tại tổ 7, khu phố 1, A, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ nhưng do anh Đ đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thúy K, Hội đồng xét

xử xét thấy:

Chị Nguyễn Thúy K và anh Nguyễn Thanh Đ tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND A nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị K cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ thường hay ghen tuông vô cớ đánh đập chị K nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh Đ hay nhậu nhẹt bê tha không quan tâm chăm sóc vợ con và bỏ mặc chị K tự lo chi tiêu quán xuyến cho gia đình. Lời trình bày của chị K cũng phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa chị K, anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị K cho chị K được ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Hội đồng xét thấy chị K và anh Đ 01 chung tên Nguyễn Thị Kiều My, sinh ngày 12/08/2005. Tuy nhiên, việc xem xét giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thu nhập thực tế của người nuôi dưỡng và nguyện vọng của con trên 9 tuổi. Xét về điều kiện và khả năng nuôi con thì căn cứ vào chứng cứ là biên bản xác minh ngày 27/6/2017 xác định được hiện nay chị K có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng thu nhập 6.000.000 đồng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2017 (bút lục số 39) thì cháu M cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị K, giao con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều My, sinh ngày 12/08/2005 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy K phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 217, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thúy K được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ

- *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Thị Kiều My, sinh ngày 12/08/2005 cho chị Nguyễn Thúy K trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thúy K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008709 ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thị Ngọc Thanh

